ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 768 /TB-HĐT

Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc phân công thành viên Ban kiểm soát Hội đồng trường thực hiện công tác giám sát các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs) năm 2024 ở Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Căn cứ Nghị quyết số 1645/NQ-HĐT ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN về việc công nhận Ban Kiểm soát Hội đồng trường;

Căn cứ Nghị quyết số 736/NQ-HĐT ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs) năm 2024 ở Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-ĐHNN ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs) năm 2024 cho các đơn vị ở Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

Nhằm giám sát, hỗ trợ các đơn vị trong trường hoàn thành đảm bảo chất lượng, tiến độ các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN phân công thành viên Ban Kiểm soát thực hiện công tác giám sát theo Phụ lục đính kèm.

1. Nguyên tắc phân công thành viên Ban kiểm soát Hội đồng trường thực hiện giám sát

- Ban kiểm soát Hội đồng trường (HĐT) phân công các thành viên giám sát việc thực hiện KPIs đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo giữa các đơn vị.

- Mỗi thành viên Ban kiểm soát HĐT thực hiện giám sát KPIs theo đơn vị đầu mối và các đơn vị có liên quan (nếu có), cụ thể:

+ Cô Lê Thị Khánh Trang: Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Khoa học Công nghệ, Khoa Đào tạo và Bồi dưỡng Ngoại ngữ, Trung tâm Đổi mới sáng tạo, Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ.

+ Thầy Nguyễn Đoàn Phượng: Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Thanh tra và Pháp chế, Trung tâm Khảo thí.

+ Thầy Nguyễn Văn Đoàn: Phòng Quản trị, Trường THCS Ngoại ngữ, Trung tâm CNTT-TT&HL, Trung tâm Phát triển nguồn lực.

+ Cô Lê Thị Huyền Trang: Phòng Hợp tác và Phát triển, Khoa Sau đại học, Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

+ Cô Nguyễn Thị Ngọc Anh: Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTHSSV, các khoa, bộ môn.

2. Thời gian các đơn vị báo cáo việc thực hiện các chỉ tiêu KPIs

- Giai đoạn 1: các đơn vị báo cáo số liệu thực hiện đến ngày 30/6/2024. Hoàn thành gửi báo cáo trước ngày 03/7/2024.

- Giai đoạn 2: các đơn vị báo cáo báo cáo số liệu thực hiện đến ngày 30/9/2024. Hoàn thành gửi báo cáo trước ngày 03/10/2024.

- Giai đoạn 3: các đơn vị báo cáo báo cáo số liệu thực hiện đến ngày 31/10/2024. Hoàn thành gửi báo cáo trước ngày 04/11/2024.

- Giai đoạn 4: các đơn vị báo cáo báo cáo số liệu thực hiện đến ngày 30/11/2024. Hoàn thành gửi báo cáo trước ngày 03/12/2024.

- Giai đoạn 5: các đơn vị báo cáo báo cáo số liệu thực hiện đến ngày 31/12/2024. Hoàn thành gửi báo cáo trước ngày 03/01/2025.

3. Hình thức báo cáo

Các đơn vị báo cáo tại đường link của Ban Kiểm soát Hội đồng trường gửi theo 05 mốc thời gian trên.

Đề nghị các đơn vị, cá nhân có liên quan phối hợp với Ban Kiểm soát Hội đồng trường thực hiện nghiêm túc thông báo này nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs) năm 2024 của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy (để b/c);
- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Các đơn vị liên quan (để p/h);
- Lưu: HCTH, HĐT, HN01.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Đỗ Tuấn Minh

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT HĐT GIÁM SÁT CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ (KPIS) NĂM 2024 Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐHQGHN
(Kèm theo Nghị quyết số 768 /NQ-HĐT ngày 09 / 05 /2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

TT	Nội dung	Đơn vị đầu mối	Thành viên giám sát
I	**Đào tạo, Khảo thí**		
	Đào tạo		
	Chỉ tiêu tuyển sinh chính quy (ĐHCQ, Bằng kép)		
1	ĐHCQ	P. ĐT; các khoa	Nguyễn Thị Ngọc Anh
2	Ngành Sư phạm	P. ĐT; các khoa	
3	Ngành Ngôn ngữ	P. ĐT; các khoa	
4	Ngôn ngữ tiếng nước ngoài	P. ĐT; các khoa	
5	Văn hoá Truyền thông xuyên quốc gia	P. ĐT; các khoa	
6	Bằng kép	P.ĐT	Lê Thị Khánh Trang
7	ĐH LKQT	Khoa ĐTBDNN	Nguyễn Thị Ngọc Anh
8	VB2 VLVH	Khoa ĐTBDNN	Lê Thị Khánh Trang
9	NCS	Khoa SĐH	Lê Thị Huyền Trang
10	HVCH	Khoa SĐH	
11	HVCH LKQT	Khoa SĐH	
12	THCS	THCS UMS	Nguyễn Văn Đoàn
13	THPT	THPT CNN	Lê Thị Khánh Trang
14	Các khoá Nghiệp vụ sư phạm ngoại ngữ	P.ĐT	
15	Số giáo trình được xuất bản	P.ĐT	
16	Số học phần được tổ chức theo hình thức kết hợp (trực tiếp và trực tuyến)	P.ĐT	

TT	Nội dung	Đơn vị đầu mối	Thành viên giám sát
	Khảo thí		
17	Số giảng viên được cấp giấy chứng nhận giám khảo bài thi VSTEP	TTKT	Nguyễn Đoàn Phượng
18	Số giảng viên được cấp giấy chứng nhận giám khảo bài thi VNU-Tests	TTKT	
19	Số giảng viên được cấp giấy chứng nhận về phân tích kết quả bài thi	TTKT	
20	Số lượng đề thi VNU-Tests (đối với tiếng Anh và các ngoại ngữ khác)	TTKT	
21	Tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ khảo thí cho đối tượng ngoài trường	Khoa SPTA	Nguyễn Thị Ngọc Anh
22	Số lượng người tham gia các bài thi ĐGNLNN được tổ chức (VSTEP, VNU TEST; HSK; DSD; JLPT…)	TTKT	Nguyễn Đoàn Phượng
23	Xây dựng Đề án tổ chức bài thi ĐGNLNN phục vụ xét tuyển vào đại học của ĐHNN, các trường thuộc ĐHQGHN và các trường có nhu cầu	TTKT	
II	**Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức**		
24	Tăng tỷ lệ CBKH/ GV có công bố quốc tế	P.KHCN	Lê Thị Khánh Trang
25	Công bố quốc tế WoS/S *(Tỷ lệ bài báo quốc tế/CBKH là 0,12)*	P.KHCN	
26	Số bài báo quốc tế nhóm Q1, Q2	P.KHCN	
27	Số đơn đăng ký SHTT, giải pháp hữu ích, sáng chế được chấp nhận hợp lệ (hồ sơ)	P.KHCN	
28	Thành lập mới nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN	P.KHCN	
29	Thành lập nhóm nghiên cứu mạnh cấp Trường	P.KHCN	
30	Xuất bản sách chuyên khảo (tiếng Việt, tiếng nước ngoài)	P.KHCN	

TT	Nội dung	Đơn vị đầu mối	Thành viên giám sát
31	Số dự án hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học	P.KHCN	Lê Thị Khánh Trang
32	Số đề tài KHCN hợp tác với địa phương	P.KHCN	
33	Tỷ lệ giảng viên hoàn thành định mức giờ NCKH	P.KHCN	
34	Tỷ lệ đề tài NCKH các cấp hoàn thành đúng thời hạn	P.KHCN	
35	Xuất bản 06 số tạp chí đúng hạn	TCNCNN	
36	Hoàn thiện hồ sơ xét duyệt vào cơ sở dữ liệu khoa học ACI (Asean Citation Index)	TCNCNN	
37	Tỷ lệ sinh viên được tiếp cận, có thông tin đầy đủ về Đề án FIRE	TT ĐMST	
38	Tỷ lệ sinh viên tham gia các hoạt động của Đề án trong năm học 2023-2024	TT ĐMST	
39	Tỷ lệ sinh viên có các sản phẩm thể hiện hoạt động ĐMST, NCKH và KN trong năm học 2023-2024	TT ĐMST	
40	Tỷ lệ sinh viên có các sản phẩm tham gia hội thi, diễn đàn, hội nghị về ĐMST, NCKH và KN các cấp	TT ĐMST	
41	Tỷ lệ sinh viên có sản phẩm khoa học, ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp được lựa chọn vào Ngân hàng dự án tiềm năng	TT ĐMST	
42	Số ý tưởng sáng tạo, đề tài khoa học, dự án khởi nghiệp được triển khai thực tế và cho ra sản phẩm có ích cho xã hội hoặc được công bố	TT ĐMST	
III	**Học sinh sinh viên**		
43	Tỷ lệ giữ chân người học (ĐHCQ, SĐH, VB2, LKQT)	P.CT&CTHSSV	Nguyễn Thị Ngọc Anh
44	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng	P.CT&CTHSSV	
45	Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong quá trình học tập tại trường	P.CT&CTHSSV	
46	Tỷ lệ gia tăng học bổng ngoài ngân sách	P.CT&CTHSSV	

TT	Nội dung	Đơn vị đầu mối	Thành viên giám sát
47	Tỷ lệ sinh viên LKQT đạt yêu cầu đầu vào về năng lực tiếng sau 01 năm	Khoa ĐTBDNN	Lê Thị Khánh Trang
48	Tỷ lệ sinh viên LKQT, VB2 tốt nghiệp đúng hạn	Khoa ĐTBDNN	
49	Tỷ lệ sinh viên QH.2020 tốt nghiệp đúng hạn (Sau 4 năm)	P.ĐT	Nguyễn Thị Ngọc Anh
50	Tỷ lệ HVCH/NCS tốt nghiệp đúng hạn	Khoa SĐH	Lê Thị Huyền Trang
51	Tỷ lệ học viên sau đại học có công bố KH	Khoa SĐH	
52	Tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường top đầu của Hà Nội *(Có danh sách phụ lục)*	THCS UMS	Nguyễn Văn Đoàn
IV	**Hợp tác trong nước và quốc tế**		
53	Số lượng học sinh, sinh viên quốc tế (Công nhận chứng chỉ, trao đổi ngắn hạn và học tập toàn khóa, bao gồm cả học trực tuyến).	P.HTPT	Lê Thị Huyền Trang
54	Số lượng giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy	P.HTPT	
55	Xây dựng kênh hỗ trợ giáo dục cho giáo viên ngoại ngữ bậc THPT	P.HTPT	
56	Số lượng học sinh, sinh viên đi học tập và trao đổi ở nước ngoài	P.HTPT	
57	Đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ khoa học (Từ 03-06 tháng) ở nước ngoài	P.HTPT	
V	**Phát triển đội ngũ**		
58	Số lượng giảng viên đi học nghiên cứu sinh	P.TCCB	Nguyễn Đoàn Phượng
59	Số lượng giảng viên hoàn thành học vị tiến sỹ	P.TCCB	
60	Tuyển dụng, thu hút, phát triển mới cán bộ khoa học có trình độ tiến sỹ	P.TCCB	
61	Giảng viên đạt chức danh GS, PGS	P.TCCB	
62	Thu hút giảng viên ngoài trường có chức danh GS, PGS, học vị tiến sĩ	P.TCCB	

TT	Nội dung	Đơn vị đầu mối	Thành viên giám sát
VI	**Chuyển đổi số và đảm bảo chất lượng**		
	Chuyển đổi số		
63	Tỷ lệ các đơn vị hoàn thành 100% kế hoạch CĐS của đơn vị	TT CNTT,TT&HL	Nguyễn Văn Đoàn
64	Gia tăng mức độ CĐS của trường theo bộ tiêu chí của Bộ GD&ĐT (Theo Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD và ĐT)	TT CNTT,TT&HL	
65	Xây dựng bộ sản phẩm truyền thông phục vụ kỷ niệm 70 năm thành lập trường và đại hội ĐB Đảng bộ Trường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030	TT CNTT,TT&HL	
66	Thí điểm đánh giá năng lực chuyển đổi số ở 3 nhóm đối tượng (Giảng viên/giáo viên phổ thông; chuyên viên và lãnh đạo/quản lý)	TT CNTT,TT&HL	
	Đảm bảo chất lượng		
67	Hoàn thành KĐCL CTĐT thạc sỹ LL&PPGD tiếng Anh	Khoa SĐH	Lê Thị Huyền Trang
	Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên và học viên		
68	Số học phần được phản hồi	TT.ĐBCL	
69	Tỉ lệ giảng viên được phản hồi	TT.ĐBCL	
70	Tỉ lệ sinh viên, học viên thực hiện phản hồi	TT.ĐBCL	
71	Số lượng học giả quốc tế phản hồi về xếp hạng đại học lĩnh vực ngôn ngữ hiện đại (Modern languages)	TT.ĐBCL	
72	Số lượng nhà tuyển dụng phản hồi về xếp hạng đại học lĩnh vực ngôn ngữ hiện đại (Modern languages)	TT.ĐBCL, P. CT&CTHSSV	
73	Kiểm định chất lượng Trường THCS Ngoại ngữ	THCS UMS	Nguyễn Văn Đoàn
74	Tăng thêm lĩnh vực mới được xếp hạng *(Xây dựng Kế hoạch hành động nhằm đưa lĩnh vực Ngôn ngữ hiện đại (Modern Languages) lọt vào top 500 (theo xếp hạng của tạp chí THE)*	TT.ĐBCL	Lê Thị Huyền Trang

TT	Nội dung	Đơn vị đầu mối	Thành viên giám sát
VII	**Cơ sở vật chất và tài chính**		
	Cơ sở vật chất		
75	Xây dựng và trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường phổ thông liên cấp THCS và THPT (trực thuộc Trường ĐHNN) *(Thiết kế và xây dựng bước đầu khu học tập trải nghiệm văn hóa, giáo dục tại Hòa Lạc)*	P.QT	Nguyễn Văn Đoàn
76	Hoàn thành cải tạo nhà B2	P.QT	
77	Đưa vào sử dụng nhà A5	P.QT	
78	Triển khai Đề án thí điểm về sử dụng, khai thác hiệu quả tài sản công	TT PTNL	
	Tài chính		
79	CTĐT thu học phí theo định mức kinh tế kỹ thuật	P.KHTC; Khoa ĐTBDNN	Lê Thị Khánh Trang
80	Tăng tỷ lệ thu sự nghiệp tối thiểu	P.KHTC; Khoa ĐTBDNN	
81	Trích nguồn thu học phí cho hoạt động KHCN, ĐMST (Theo Nghị định 109/2022/NĐ-CP của Chính phủ)	P.KHTC	
82	Nguồn thu từ hoạt động hợp tác đào tạo, bồi dưỡng và chuyển giao tri thức	Khoa ĐTBDNN	
83	Hoàn thành và triển khai Đề án tự chủ tài chính	THPT CNN	Lê Thị Khánh Trang
84	Tăng nguồn thu từ việc thực hiện Đề án thí điểm sử dụng, khai thác tài sản công	TT PTNL	
VIII	**Quản trị đại học**		
85	Tỷ lệ cập nhật văn bản quản lý điều hành các cấp trên kho văn bản số của Trường	P.HCTH	Nguyễn Đoàn Phượng
86	Các phân hệ trong hệ thống quản lý thông tin GDĐH của Bộ GD và ĐT (HEMIS) của Trường được cập nhật	P.HCTH	
87	Tỷ lệ văn bản chỉ đạo điều hành được rà soát trước khi ban hành	P.TTPC	

TT	Nội dung	Đơn vị đầu mối	Thành viên giám sát
88	Phổ biến, giới thiệu các quy chế, quy định, văn bản chỉ đạo điều hành của các cấp có liên quan	P.TTPC	Nguyễn Đoàn Phượng
89	Tỷ lệ các đơn vị trong trường được kiểm tra, giám sát về việc thực hiện Quy chế làm việc của Trường ĐHNN, ĐHQGHN	P.TTPC	
90	Tuân thủ các quy định của pháp luật và ĐHQGHN trong quản lý, điều hành *(Trích lập các quỹ và sử dụng kinh phí theo quy định)*	P.KHTC	Lê Thị Khánh Trang